

Đơn vị: Ban Dân tộc tỉnh Bình Định
Chương: 483

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDT ngày /02/2025 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.468.224.165
I	Nguồn ngân sách trong nước	18.468.224.165
1	Chi quản lý hành chính	5.858.218.665
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.183.963.632
-	KP quản lý nhà nước	3.183.400.000
-	KP thực hiện CCTL	563.632
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.674.255.033
-	Hỗ trợ KP hoạt động đảng bộ cơ sở	15.200.000
-	Trang phục thanh tra	18.000.000
-	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	86.313.940
-	KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	427.500.000
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	311.800.000
-	KP tổ chức Hội thao cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định	194.396.060
-	KP tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG PT KT-XH vùng ĐB DTTS và MN, GD 2021-2025 tại tỉnh Bình Định	46.742.000
-	KP tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ IV/2024	1.170.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024	35.500.000
-	KP thực hiện CCTL	8.873.033
-	Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 (nguồn 15)	267.930.000
-	Kinh phí Quỹ tiền thưởng năm 2024	92.000.000
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	34.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	34.000.000
-	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	0
-	KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	34.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	1.550.000.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.550.000.000
	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	1.550.000.000
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chỉ quản lý hành chính	
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	11.026.005.500
a	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2022 chuyển sang)</i>	909.047.000
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	780.142.000
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	128.905.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	0
b	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2023 chuyển sang)</i>	4.051.427.500
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.096.065.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	49.301.500
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	2.596.792.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	226.162.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	20.000.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	63.107.000
c	<i>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2023 chuyển sang)</i>	769.856.000
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	99.456.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	616.000.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	39.000.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	15.400.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	0
d	<i>Nguồn vốn NSTW giao năm 2024</i>	<i>4.721.996.000</i>
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	2.236.000.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	205.000.000
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	783.000.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	9.996.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	720.000.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	768.000.000
e	<i>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2024)</i>	<i>573.679.000</i>
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	348.000.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	0
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	48.000.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	74.193.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	103.486.000